

MOVERS PRACTICE 46

Viết từ vựng

1. 10= _____
2. 20= _____
3. 30= _____
4. 40= _____
5. 50= _____
6. 60= _____
7. 70= _____
8. 80= _____
9. 90= _____
10. 100= _____
11. Địa chỉ= _____
12. Căn hộ, chung cư= _____
13. Tầng hầm= _____
14. Tầng trệt= _____
15. Phòng ngủ= _____
16. Phòng tắm= _____
17. Phòng khách= _____
18. Phòng ăn= _____
19. Nhà bếp= _____
20. Áo len= _____

21. Áo khoác=_____
22. Khăn choàng=_____
23. Đồ bơi=_____
24. Áo thun=_____
25. Áo sơ mi=_____
26. Đầm=_____
27. Váy=_____
28. Quần dài=_____
29. Quần đùi=_____
30. Đôi giày=_____
31. Đôi vớ=_____
32. Mắt kính=_____
33. Đôi bao tay=_____
34. Đi bộ, đi dạo =_____
35. Đi bơi=_____
36. Làm bài tập về nhà=_____
37. Đi mua sắm=_____
38. Đi câu cá=_____
39. Nghe nhạc=_____
40. Xem phim=_____
41. Xem trang web trên mạng=_____

42. Nhắn tin cho bạn bè= _____
43. Gọi điện cho bạn bè= _____
44. Rửa xe= _____
45. Đi thuyền= _____
46. Chơi cờ= _____
47. Chụp hình= _____
48. Vẽ tranh= _____
49. Chơi cầu lông= _____
50. Trượt patin= _____
51. Ván trượt= _____
52. Chơi bóng rổ= _____
53. Chơi bóng chày= _____
54. Chơi bóng bàn= _____
55. Chơi vóng chuyền= _____
56. Thả diều= _____
57. Đi cắm trại= _____
58. Cưỡi ngựa= _____
59. Chạy xe đạp= _____
60. Thứ 2= _____
61. Thứ 3= _____
62. Thứ 4= _____
63. Thứ 5= _____

64. Thứ 6= _____
65. Thứ 7= _____
66. Chủ nhật= _____
67. Luôn luôn= _____
68. Thường thường= _____
69. Đôi khi = _____
70. Không bao giờ= _____
71. Bệnh viện= _____
72. Siêu thị= _____
73. Chợ= _____
74. Thư viện= _____
75. Quảng trường= _____
76. Bến xe buýt= _____
77. Khu vui chơi= _____
78. Rạp xiếc= _____
79. Trung tâm thể thao= _____
80. Trung tâm mua sắm= _____
81. Hội chợ= _____
82. Thị trấn= _____
83. Bãi đậu xe= _____
84. ở phía bên dưới= _____
85. ở phía bên trên= _____

86. đối diện= _____
87. ở giữa= _____
88. ở trước= _____
89. ở sau= _____
90. một mỗi= _____
91. sợ= _____
92. ngạc nhiên= _____
93. đồng hồ treo tường= _____
94. gối= _____
95. mền= _____
96. kệ sách= _____
97. kệ= _____
98. tủ= _____
99. nón bảo hiểm= _____
100. bản đồ thế giới= _____
101. bàn chải đánh răng= _____
102. kem đánh răng= _____
103. khăn tắm= _____
104. vòi sen= _____
105. rạp chiếu phim= _____
106. ban công= _____
107. cầu thang bộ= _____

108. thang máy=_____

109. vé =_____